TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/12/2023
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh N

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn N1

2. Ông Lương Văn K

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị P - Thư ký Toà án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Quỳnh M - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2023/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đồng Thị H, sinh năm 1986 - Có đơn xin vắng mặt

Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1980 - Vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Trần Đức D, sinh ngày 22/11/2008 - Vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn P, xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Người đại diện hợp pháp cho cháu D: Anh Trần Văn N và chị Đồng Thị H là bố mẹ đẻ của cháu.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 - Vắng mặt

- Cháu Trần Thị Ngọc A, sinh năm 2004 là con chung của chị H, anh N - Vắng mặt

- Ông Trần Văn V - Vắng mặt

Đều có địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện T, tỉnh H□ng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Đồng Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị H và anh Trần Văn N, sinh năm 1980 là người cùng thôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên ngày 16/7/2003 theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, thương yêu, bảo ban nhau làm ăn và chăm sóc nuôi dưỡng các con. Đến khoảng đầu năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn, anh N không còn chuyên tâm với công việc và gia đình, mải mê chơi bời và thường gây sự đối với chị, vợ chồng lời qua tiếng lại, thường xuyên tranh cãi, không bảo ban được nhau. Lúc đầu chị H nghĩ đó là nhưng mâu thuẫn nhỏ mà cuộc sống gia đình nào cũng có nên cố gắng động viên, chia sẻ để vợ chồng hòa hợp. Nhưng khi chị phát hiện anh N nghiện ma túy đã đến mức chích thuốc thì chị xác định đó là nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn và khiến anh N trở thành con người hoàn toàn khác, luôn cáu gắt. Vì gia đình, vì các con nên chị động viên anh N đến cơ sở cai nghiện để cai đến tháng 02/2011 chị đã thuyết phục được anh N đi cai nghiện. Chị đã tin tưởng anh và hết lòng hỗ trợ anh cai nghiện hy vọng duy trì hạnh phúc gia đình nhưng anh N lại tái nghiện rồi về nhà gây sự với vợ con. Đến khoảng tháng 10 năm 2014 thì mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, anh N lại tiếp tục đến cơ sở cai nghiện, do áp lực nên chị H dẫn cho các con về sống với mẹ đẻ một thời gian. Vì chị vẫn còn hy vọng, tin tưởng anh N cùng với sự động viên của gia đình nên chị lại quay về với mong muốn gia đình sẽ là nguồn động viên anh N cai nghiện. Đến đầu năm 2016 sau khi kết thúc đợt cai nghiện, anh N về với gia đình nhưng mong muốn của chị đều không có kết quả, tình trạng mâu thuẫn càng ngày càng kéo dài, không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng và lộn xộn, vợ chồng cãi nhau nhiều và thường xuyên hơn, anh N đã dùng vũ lực đối với chị. Để bảo vệ bản thân và nhận thức, sự phát triển của các con nên đến khoảng cuối năm 2016 chị lại dẫn các con sang ở hẳn với mẹ đẻ từ đó cho tới nay. Suốt 07 năm qua, anh N vẫn không thay đổi, không hề quan tâm đến chị và các con, một mình chị phải nuôi dạy hai con, mọi khó khăn trong cuộc sống một mình lo toan, gánh vác. Anh chị đã sống ly thân từ đó việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến ai, kinh tế hoàn toàn độc lập.

Chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, nếu có níu kéo cũng chỉ làm tổn thương cho nhau, hạnh phúc vợ chồng không đạt được. Chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho chị được ly hôn với anh N để chị sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị H và anh N có 02 con chung là các cháu Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 28/7/2004 và Trần Đức D, sinh ngày 22/11/2008. Hiện nay hai cháu đang ở với chị H. Cháu Ngọc A đã trưởng thành nên chị không yêu cầu

Tòa án giải quyết. Nay vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D. Chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng canh tác: Chị H tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập anh Trần Văn N đến Tòa án để tiến hành lấy lời khai nhưng anh N đều vắng mặt. Đến ngày 06/11/2023 trong biên bản lấy lời khai của Tòa án đối với anh Trần Văn N. Anh N trình bày: Anh N thống nhất với chị H về thời điểm kết hôn và thời gian phát sinh mâu thuẫn. Anh N xác định trong cuộc sống của mỗi gia đình không thể tránh khỏi những va chạm và gia đình anh cũng vậy. Mọi va chạm xuất phát từ nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nhưng chị H không thông cảm và chia sẻ với anh nên chị H đã chuyển ra ngoài sống đến nay là 07 năm, anh chị việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến ai. Anh chị cũng đã sống ly thân 07 năm. Anh xét thấy vì gia đình, vì các con nên anh có nguyện vọng xin đoàn tụ với chị H.

Về con chung: Anh N xác định, vợ chồng có 02 con chung là các cháu Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 28/7/2004 và Trần Đức D, sinh ngày 22/11/2008. Hiện nay cháu Ngọc A đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu D đang sống với chị H. Nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh tôn trọng nguyện vọng của cháu D.

Về tài sản chung, nợ chung, ruộng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của chị H trình bày: Đầu năm 2009, vợ chồng chị H, anh N xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hòa thuận và không cùng nhau bàn bạc, chia sẻ công việc gia đình và nuôi dạy con chung, kinh tế không tập trung, anh N không phụ giúp thêm với chị H để trang trải cuộc sống gia đình, anh N còn đánh đập chị H. Nguyên nhân chính là do anh N chơi bời và nghiện ma túy, gia đình hai bên và chị H cũng thuyết phục anh N, cho anh N đến cơ sở cai nghiện nhưng chỉ được một thời gian sau đó anh N lại tiếp tục chơi bời nghiện ngập. Bản thân chị H cũng như gia đình hai bên cũng khuyên bảo anh N để anh chị duy trì hạnh phúc gia đình nhưng hôn nhân của anh chị không thể tồn tại khi mà chỉ có chị H nỗ lực và cố gắng. Do không chịu đựng được áp lực, mất hết niềm tin và hy vọng vào chồng đến tháng 6 năm 2016 chị H đã cho con về sống với gia đình bà T và chị H, anh N cũng sống ly thân từ đó cho tới nay.

Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh N, quan điểm của gia đình bà T là hôn nhân của anh chị do anh chị quyết định.

Vợ chồng chị H có 02 con chung là các cháu Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 28/7/2004 và Trần Đức D, sinh ngày 22/11/2008. Hiện nay các cháu đang ở với chị H.

Người làm chứng ông Trần Văn V là bố đẻ của anh N trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng anh N, chị H sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân như thế nào thì ông không nắm được. Ông và gia đình luôn mong muốn anh chị sống hạnh phúc nhưng mong muốn không đạt được. Anh chị đã sống ly thân được khoảng 05 đến 06 năm, không ai quan tâm đến ai. Nếu chị H kiên quyết ly hôn với anh N, quan điểm của gia đình ông V là hôn nhân của anh chị do anh chị quyết định.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là các cháu Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 28/7/2004 và Trần Đức D, sinh ngày 22/11/2008. Hiện nay các cháu đang ở với chị H.

Về tài sản, công sức, ruộng cấy: Anh chị không có gì chung.

Tại bản trình bầy quan điểm, ý kiến và Biên bản lấy lời khai của cháu Trần Thị Ngọc A là con đẻ của anh N và chị H: Theo cháu Ngọc A nhận thấy thì hôn nhân của bố mẹ cháu không hạnh phúc. Bố cháu không chuyên tâm làm ăn nên một mình mẹ cháu phải gánh vác công việc gia đình cũng như việc học tập sinh hoạt của cháu và em D. Mẹ cháu đã vì hai chị em nên đã cố gắng rất nhiều. Mẹ cháu đã nỗ lực động viên thuyết phục bố để cho hai chị em có gia đình ổn định nhưng bố N đã không tôn trọng sự quan tâm của mẹ H nên dần dần xa cách mẹ cháu và hai chị em. Bố cháu không quan tâm tới mẹ và chúng cháu như trước. Cháu Ngọc A còn trình bầy: Khi gia đình còn sống cùng nhau cháu đã chứng kiến việc bố mẹ to tiếng, lời qua tiếng lại, quan điểm thì bất đồng nên mẹ cháu đã cho hai chị em về sống với ông bà ngoại và sống ly thân đến nay đã 07 năm. Bố mẹ cháu không quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Nay mẹ cháu đề nghị ly hôn với bố cháu, cháu tôn trọng quyết định của bố mẹ. Còn về phần cháu: Mặc dù cháu đang học Đại học nhưng cháu không yêu cầu bố, mẹ phải chu cấp tiền sinh hoạt phí cho cháu. Còn bố mẹ cháu chu cấp như thế nào cho cháu là tùy. Vì cháu vừa học vừa làm cũng đủ trang trải cho cuộc sống.

Xác minh tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên được biết: Chị H, anh N đều là người địa phương, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên ngày 16/7/2003. Theo Ủy ban nhân dân xã cung cấp: Thời gian đầu vợ chồng chị H anh N chung sống rất hạnh phúc. Đến khoảng năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, có xảy ra tranh cãi, to tiếng. Chị H đã nỗ lực vun đắp nhưng đến năm 2016 thì mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng hơn nên chị H không sống cùng anh N mà về sống với mẹ đẻ ở cùng thôn P, xã L, huyện T. Anh chị đã sống ly thân đến nay là khoảng 06 năm, không ai quan tâm đến ai, anh chị đều hộ khẩu thường trú tại địa phương. Nay chị Đồng Thị H có đơn xin ly hôn với anh Trần Văn N thì quan điểm của UBND xã L, huyện T là đề nghị Toà án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 09/11/2023: Anh N vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và gửi kết quả cho anh N. Anh N đã nhận và không có ý kiến thắc mắc gì.

Tại buổi hòa giải ngày 16/11/2023 chị H và anh N không thống nhất được quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Ngày 14/12/2023, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành đưa ra xét xử vụ án nhưng có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Tại phiên toà hôm nay: Chị Đồng Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh N. Chị có nguyện vọng được nuôi cháu Trần Đức D, chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Còn cháu Trần Thị Ngọc A đã lớn nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn anh Trần Văn N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa phiên tòa công bố các lời khai của đương sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa đề nghị:

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H xác định tình cảm vợ chồng với anh N không còn và kiên quyết xin ly hôn. Anh N đã được triệu tập hợp lệ đến Toà án để lấy lời khai cũng như hoà giải đoàn tụ nhưng anh N cũng chưa chấp hành đầy đủ theo triệu tập của Tòa án. Anh N không muốn ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp, thể hiện việc anh N không muốn níu kéo hạnh phúc gia đình với chị H. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đồng Thị H. Xử cho chị Đồng Thị H được ly hôn với anh Trần Văn N.

Về con chung: Anh chị có hai con chung: Cháu Trần Thị Ngọc A đã đủ 18 tuổi hơn nữa cháu cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trần Đức D cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị H. Anh N được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, ruộng canh tác: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Đồng Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn N có nơi cư trú tại xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điển a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên xét xử. Anh N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 14/12/2023 nên Tòa

án nhân dân huyện T đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST - HNGĐ ngày 14/12/2023 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 22/12/2023. Anh N đã được Toà án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Toà án xét xử vắng mặt chị H, anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đồng Thị H. Hội đồng xét xử thấy chị Đồng Thị H và anh Trần Văn N có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 16/7/2003 trên cơ sở tự nguyện. Do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do anh N nghiện ma túy khiến anh N trở thành người hoàn toàn khác, luôn cáu gắt. Chị đã cho anh N rất nhiều cơ hội để anh N thay đổi. Trong suốt khoảng thời gian từ tháng 02/2011 đến đầu năm 2016 anh N đã hai lần đến cơ sơ cai nghiện nhưng sau mỗi lần cai nghiện về được một thời gian ngắn thì anh N lại tái nghiện rồi gây sự với chị H. Mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng, hạnh phúc vợ chồng vẫn không cải thiện, tình trạng mâu thuẫn càng ngày càng kéo dài, không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng và lộn xộn, anh N đã dùng vũ lực đối với chị. Để bảo vệ bản thân và nhận thức, sự phát triển của các cháu nên đến khoảng cuối năm 2016 chị H cho các con về sống với mẹ đẻ và ly thân từ đó. Đến nay chị H vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh N.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhiều lần triệu tập anh N lên để lấy lời khai và hoà giải nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành xác minh lấy lời khai của anh N tại địa phương. Tại phiên hòa giải ngày 16/11/2023 anh N có quan điểm xin chị H cho anh thêm cơ hội để gia đình đoàn tụ cùng nuôi dậy con cái. Tuy nhiên trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh N không đưa ra được giải pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng cũng như sự trình bày của người làm chứng là cháu Trần Thị Ngọc A (là con đẻ của chị H anh N), bà T cũng thể hiện anh N không có sự thay đổi, hôn nhân của anh chị không có hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân từ lâu. Quá trình điều tra thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, anh N đều không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều này thể hiện anh N không có thiện chí đoàn tụ và xây dựng hạnh phúc gia đình với chị H. Chị H vẫn giữ quan điểm kiên quyết xin ly hôn với anh N. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh N đã trầm trọng, anh chị đã ly thân 07 năm, hôn nhân không có hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên toà.

[3]. Về con chung: Anh chị có hai con chung là các cháu Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 28/7/2004 và Trần Đức D, sinh ngày 22/11/2008.

- Xét yêu cầu của chị H, anh N cũng như quan điểm của cháu Trần Thị Ngọc A, nguyện vọng của cháu Trần Đức D. HĐXX thấy: Cháu Ngọc A đã đủ 18 tuổi hơn nữa cháu cũng không có yêu cầu gì nên Tòa án không xem xét giải quyết; Chị H xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, anh N tôn trọng lựa chọn của

cháu D và nguyện vọng của cháu D nếu anh chị ly hôn cháu xin được ở với chị H. Do vậy, HĐXX sẽ giao cháu Trần Đức D cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu D là phù hợp với thực tế và pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị, anh N được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, công sức; nợ nần: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Đồng Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[6].Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên toà về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Xử:

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Cho chị Đồng Thị H được ly hôn với anh Trần Văn N.

- ***Về con chung:*** Chị Đồng Thị H và anh Trần Văn N có 02 con chung là các cháu Trần Thị Ngọc A, sinh năm 2004 và cháu Trần Đức D, sinh ngày 22/11/2008;

Đối với cháu Ngọc A: Chị H, anh N và cháu Ngọc A đều không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Giao cháu Trần Đức D cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh N được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- ***Về tài sản chung:*** Các đương sự không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- ***Về án phí:*** Chị Đồng Thị H phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0004716 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Minh N

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Lương Văn K **Đào Văn N1**

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh N

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Thụy Lôi (CNKH số 26/2017);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Minh N

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh N